

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Sỹ Hiền;

Bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 674 Q, Tổ H, phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bá Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 223 B, Tổ B, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Bá Q tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường AT, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống H phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cuộc sống vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt nên không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã nhau. Tình trạng này lặp đi lặp lại nhiều lần nên cuộc sống vợ chồng không H phúc và đã ly thân nhau không còn tình cảm với anh Q nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Bá Q. Về con chung, có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 30/8/2010 và cháu Nguyễn Bá Trường, sinh ngày 04/4/2015 chị H yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Bá Q trình bày trong bản khai ngày 09/3/2021 có nội dung như sau: Anh Q và chị H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày nhưng không đến mức trầm trọng để ly hôn. Anh Q

mong muốn chị H quay về đoàn tụ để nuôi dạy các con được tốt hơn chứ anh Q không muốn ly hôn với chị H. Về con chung, có 02 con chung như chị H trình bày. Anh Q không muốn ly hôn nhưng nếu chị H cương quyết ly hôn và Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý để các con ở với chị H, chứ không ý kiến gì. Về tài sản chung và nợ chung, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Bá Q, cư trú tại phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Bị đơn anh Nguyễn Bá Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Bá Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị H và anh Q là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh Q có phát sinh mâu thuẫn chị H không chấp nhận được nên đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ của chị sinh sống, ly thân với anh Q từ đầu năm 2020 và làm đơn xin ly hôn. Trong bản khai anh Q cho rằng không đồng ý ly hôn, mong muốn chị H quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập anh Q đến để hòa giải lần thứ 2 cũng như triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa anh Q đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, mặc dù anh Q không đồng ý ly hôn nhưng anh Q không đến các phiên hòa giải cũng như phiên tòa để thể hiện rõ ý kiến của anh là mong muốn đoàn tụ với chị H mà bỏ mặc đối với yêu cầu ly hôn của chị H, thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ cùng chị H. Hơn nữa, hiện nay chị H và anh Q đã không chung sống với nhau, không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H có cơ sở nên chấp nhận, cho chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Bá Q là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 30/8/2010 và cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 04/4/2015. Chị H yêu cầu được nuôi cả 02 con. Trong các bản khai anh Q đồng ý để chị H nuôi cả 02 con. Qua xem xét ý kiến cháu Nguyễn Ngọc H1 thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để được sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị H trình bày có thu thập, đảm bảo được cuộc sống của các con nên không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Bá Q.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ H nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 30/8/2010 và cháu Nguyễn Bá T, sinh ngày 04/4/2015 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009964 ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/7/2021) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
 - VKSND thị xã A;
 - Chi cục THADS thị xã A;
 - UBND Phường AT, thị xã A
- (Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn